

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXI

Phẩm 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Này thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như vậy, thì được mười công đức mà hàng Thanh văn và Phật-bích-chi không có, công đức này không thể nghĩ bàn, người nghe đến sẽ kinh ngạc. Vì công đức này chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải khó, chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, chẳng phải là pháp thế gian, không có tướng mạo, thế gian không có. Những gì là mười? Công đức thứ nhất có năm điều: Những gì là năm? Một là điều không nghe mà có thể được nghe, hai là nghe rồi có thể làm lợi ích, ba là có thể dứt tâm nghi hoặc, bốn là tuệ tâm chánh trực, năm là có thể biết tạng bí mật của Như Lai. Đó là năm điều. Những điều không nghe mà có thể được nghe là gì? Đó là tạng bí mật vi diệu sâu xa, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Phật, Pháp và Tăng không có sai khác, tánh và tướng của Tam bảo là thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chư Phật không rốt ráo nhập Niết-bàn, là thường trụ không biến đổi. Niết-bàn của Như Lai chẳng phải có, chẳng phải không; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu; chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc; chẳng phải danh, chẳng phải không danh; chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng; chẳng phải có, chẳng phải không có; chẳng phải vật, chẳng phải không vật; chẳng phải nhân, chẳng phải quả; chẳng phải đối đãi, chẳng phải không đối đãi; chẳng phải sáng, chẳng phải tối;

chẳng phải xuất ly, chẳng phải không xuất ly; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải không đoạn; chẳng phải đầu tiên, chẳng phải cuối cùng; chẳng phải quá khứ, chẳng phải tương lai, chẳng phải hiện tại; chẳng phải ấm, chẳng phải không ấm; chẳng phải nhập, chẳng phải không nhập; chẳng phải giới, chẳng phải không giới; chẳng phải mười hai nhân duyên, chẳng phải không mười hai nhân duyên. Những pháp như vậy đều là bí mật vi diệu sâu xa, trước đây không được nghe mà nay có thể được nghe. Lại có điều không nghe, như tất cả sách vở của ngoại đạo là bốn bộ luận: Tỳ-đà, Tỳ-dà-la, Vệ Thế Sư, Ca-tỳ-la và tất cả chú thuật, phương pháp trị bệnh, tài nghệ khéo léo, sách vở về sự vận chuyển biến đổi của hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, tinh tú và những lời sấm ký v.v... các sách vở như vậy, chưa từng nghe nghĩa bí mật của chúng mà hôm nay nhờ kinh này được biết tất cả. Lại có mười một bộ loại kinh, trừ Tỳ Phật Lược ra, cũng không có nghĩa bí mật sâu xa như vậy, nay nhờ kinh này mà được biết hết. Đây thiện nam! Đó gọi là không nghe mà có thể được nghe, nghe rồi được lợi ích, nếu có thể nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết-bàn này, thì biết rõ tất cả nghĩa vi diệu sâu xa của kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ví như nam nữ ở trước tấm gương sáng, nhìn thấy rõ ràng hình dáng của mình. Gương Đại Niết-bàn cũng vậy, Bồ-tát cầm lên thì đều thấy rõ tất cả nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại thừa. Như có người ở trong nhà tối cầm ngọn đuốc lớn thì thấy rõ các sự vật. Đuốc Đại Niết-bàn cũng vậy, Bồ-tát cầm lên thì thấy rõ được nghĩa sâu xa của Đại thừa. Cũng như mặt trời mọc có muôn ngàn ánh sáng đều chiếu soi những núi non, chỗ u ám, làm cho mọi người thấy những vật rất rõ. Cũng vậy, mặt trời trí tuệ thanh tịnh Đại Niết-bàn này chiếu rõ chỗ thâm thúy của Đại thừa, làm cho hàng Nhị thừa từ xa thấy được Phật đạo. Vì sao? Vì có thể nghe và lãnh thọ kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này. Đây thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết-bàn này thì được biết tất cả tên gọi của các pháp, nếu có thể biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ về ý nghĩa thì biết rõ tất cả nghĩa lý của các pháp. Đây thiện nam! Người nghe và lãnh thọ thì chỉ biết tên gọi, không biết ý nghĩa, nếu có thể

biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ về ý nghĩa thì có thể biết được nghĩa lý.

Lại nữa, này thiện nam! Người nghe kinh này, tuy nghe có Phật tánh nhưng chưa thấy được, nếu biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ về ý nghĩa thì thấy được Phật tánh. Người nghe kinh này, nghe có danh từ bố thí nhưng chưa thể thấy được Bố thí Ba-la-mật, nếu biên chép, đọc tụng, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ về ý nghĩa thì thấy được Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng vậy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát nếu có thể nghe kinh Đại Niết-bàn này, thì biết pháp, biết nghĩa và đủ cả hai vô ngại, đối với hàng Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc chư Thiên, Ma vương, Phạm vương trong tất cả thế gian đều được vô sở úy, vì họ mà khai thị, phân biệt Mười hai bộ kinh văn, diễn nói các ý nghĩa không có sai lầm, không nghe từ người khác mà có thể tự biết, gần đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Đó là nghe rồi có thể làm lợi ích. Dứt trừ tâm nghi: Nghi có hai loại: Một là nghi tên gọi, hai là nghi ý nghĩa. Người nghe tên này dứt trừ tâm nghi tên gọi, người suy nghĩ ý nghĩa thì dứt tâm nghi ý nghĩa.

Lại nữa, này thiện nam! Nghi có năm loại: Một là nghi Đức Phật có chắc chắn nhập Niết-bàn hay không, hai là nghi Phật là thường trụ hay không, ba là nghi Phật là an lạc thật sự hay không, bốn là nghi Phật có phải chân tịnh hay không, năm là nghi Phật là thật ngã hay không. Người nghe kinh này thì dứt hẳn lòng nghi Phật vào Niết-bàn hay không; biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ ý nghĩa thì dứt hẳn bốn điều nghi còn lại. Này thiện nam! Nghi có ba loại: Một là nghi Thanh văn có hay không. Hai là nghi Duyên giác có hay không. Ba là nghi Phật thừa có hay không. Người nghe kinh này thì dứt hẳn ba điều nghi như vậy; biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói và suy nghĩ ý nghĩa thì có thể biết rõ tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh không nghe kinh Đại Niết-bàn này, thì tâm họ có nhiều sự nghi ngờ; như nghi thường hay vô thường, hoặc lạc hay bất lạc, hoặc tịnh hay bất tịnh, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc mạng hay phi mạng, hoặc chúng sinh hay phi chúng sinh,

hoặc rốt ráo hay không rốt ráo, hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc khổ, hoặc chẳng phải khổ, hoặc tập, hoặc chẳng phải tập, hoặc đạo, hoặc chẳng phải đạo, hoặc diệt, hoặc chẳng phải diệt, hoặc pháp, hoặc chẳng phải pháp, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện, hoặc không, hoặc chẳng phải không. Người nghe kinh này thì dứt hẳn các điều nghi ngờ như vậy. Nay thiện nam! Nếu có người không nghe kinh này, thì lại có nhiều tâm nghi, như nghi Sắc là ngã chẳng? Thọ, tưởng, hành và thức là ngã chẳng? Mắt có thể thấy chẳng? Ngã có thể thấy chẳng? Cho đến Thức có thể biết chẳng? Ngã có thể biết chẳng? Sắc thọ quả báo chẳng? Ngã thọ quả báo chẳng? Cho đến Thức thọ quả báo chẳng? Sắc đến đời khác chẳng? Ngã đến đời khác chẳng? Cho đến Thức cũng như vậy. Các pháp sinh tử có đầu tiên có cuối cùng chẳng? Hay là không đầu tiên không cuối cùng? Người nghe kinh này cũng dứt hẳn những điều nghi như vậy. Lại có người nghi Nhất-xiển-đề phạm bốn tội nặng, tạo tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Phương Đẳng như vậy, có Phật tánh chẳng? Người nghe kinh này dứt hẳn những điều nghi như vậy. Lại có người nghi thế gian hữu biên chẳng? Thế gian vô biên chẳng? Có mười phương thế giới chẳng? Không có mười phương thế giới chẳng? Người nghe kinh này cũng dứt hẳn những điều nghi như vậy. Đó gọi là có thể dứt tâm nghi, có tuệ tâm chân chánh không tà vạy. Nếu có tâm nghi thì sự hiểu biết không chân chánh. Tất cả phàm phu nếu không được nghe kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này thì sự hiểu biết tà vạy v.v.... cho đến sự hiểu biết của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi cũng tà vạy. Sự hiểu biết của tất cả phàm phu tà vạy như thế nào? Nghĩa là ở trong hữu lậu thấy có thường, lạc, ngã, tịnh, còn đối với Như Lai lại thấy vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, thấy có chúng sinh, thọ mạng và tri kiến, chấp trời Phi tưởng phi phi tưởng là Niết-bàn, thấy trời Tự tại có tám Thánh đạo. Có các kiến chấp về thường kiến, đoạn kiến, như vậy gọi là tà vạy. Đại Bồ-tát nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn này tu hành Thánh hạnh thì dứt trừ những điều tà vạy như vậy.

Vì sao gọi hàng Thanh văn, Duyên giác nhận biết tà vạy? Thấy rằng Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất cỡi voi trắng giáng thân vào thai

mẹ, tại thành Ca-tỳ-la. Cha là Tịnh Phạn, mẹ là Ma-da. Ở trong thai mười tháng thì sinh, chưa đến đất thì trời Đế Thích đưa tay đỡ lấy. Long vương Nan-đà và Long vương Bà-nan-đà phun nước tắm, Đại thần vương Ma-ni-bạt-đà cầm lọng báu đứng hầu phía sau, Địa thần hóa ra hoa sen đỡ dưới chân, mỗi phương bước đi bảy bước, đi đủ bốn phương, đến miếu thờ trời khiến các tượng trời đều đứng dậy nghinh tiếp, tiên A-tư-đà hai tay bồng lên, xem tướng, xem xong tiên A-tư-đà buồn tủi, thương cho số phận mình sắp chết không được thấy Phật, theo thầy học văn chương, học toán số, cỡi ngựa, bắn cung, đồ sấm và kỹ nghệ, ở trong thâm cung với sáu vạn thể nữ vui hưởng thọ lạc, nhưng bỏ ra ngoài thành dạo chơi, đi đến vườn Ca-tỳ-la, trên đường đi gặp người già, cho đến thấy Sa-môn mặc pháp phục đi trên đường, trở về cung thấy các thể nữ hình dáng tướng mạo như xương khô, xem cung điện không khác gì gò mả, nhàm chán, nửa đêm vượt thành xuất gia, đến chỗ đại tiên nhân Uất-đà-già, A-la-la v.v... nghe giảng về Thức vô biên xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ, nghe rồi quan sát kỹ, biết những xứ ấy là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, liền bỏ đi đến ngôi bên gốc cây tu khổ hạnh suốt sáu năm, biết tu khổ hạnh không thể thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại đi đến sông A-lợi-bạt-đề, nhận bát cháo sữa của cô gái chăn bò dâng, uống xong đến ngôi bên gốc cây Bồ-đề, phá ma Ba-tuần, thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân lần đầu độ cho năm vị Tỳ-kheo, cho đến ở thành Ca-thi-na nhập Niết-bàn. Sự thấy như vậy, gọi là sự thấy tà vạy của Thanh văn và Duyên giác.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết-bàn này, thì dứt trừ những sự thấy như vậy. Nếu có thể biên chép, đọc tụng thông suốt, vì người khác diễn nói rộng rãi và suy nghĩ về ý nghĩa kinh này thì đạt được cái thấy chân chánh, không tà vạy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như thế, thì biết rõ Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến, chứ không phải từ cõi trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, cho đến nhập Niết-bàn ở thành Câu-thi-na. Đó gọi là thấy chân chánh của Đại Bồ-tát. Có thể biết được nghĩa lý sâu xa bí mật của Như Lai, đó là Đại Niết-bàn, tất cả chúng sinh đều

có Phật tánh, sám hối trừ bốn giới trọng, dứt trừ tâm hủy báng chánh pháp, hết tội ngũ nghịch, đoạn Nhất-xiển-đề, sau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là nghĩa lý bí mật sâu xa. Lại nữa, này thiện nam! Nghĩa sâu xa là gì? Đó là tuy biết chúng sinh thật sự không có ngã, nhưng nghiệp quả ở đời vị lai thì không mất; tuy biết năm ấm sẽ bị diệt hết, nhưng thiện ác không bao giờ mất; tuy có các nghiệp, nhưng không có người tạo tác; tuy có chỗ đến, nhưng không có người đi; tuy không trói buộc, nhưng không người bị trói; tuy có Niết-bàn, nhưng không có người diệt độ. Đó gọi là nghĩa bí mật sâu xa.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa, được nghe điều không nghe của Phật nói thì nghĩa này không phải vậy? Vì sao? Vì nếu pháp là có thì lẽ ra nhất định có, nếu pháp là không thì lẽ ra chắc chắn không, nếu không thì lẽ ra không sinh, nếu có thì lẽ ra không diệt. Như nghe là nghe, nếu không nghe là không nghe, vì sao nói rằng nghe điều không nghe?

Bạch Thế Tôn! Nếu không thể nghe thì là không nghe, còn nếu đã nghe rồi thì lại không nghe nữa. Vì sao? Vì đã được nghe vậy. Vì sao nói rằng nghe điều không nghe? Ví như người đi, nếu đã đến thì không còn đi, còn đi thì không đến. Cũng như đã sinh rồi thì không còn sinh nữa, còn không sinh thì không sinh, được rồi thì không được, còn không được thì không được, nghe rồi thì không nghe, còn không nghe thì không nghe. Cũng như vậy, bạch Thế Tôn! Nếu không nghe mà nghe thì tất cả các chúng sinh chưa có Bồ-đề, lẽ ra cũng phải có Bồ-đề, người chưa được Niết-bàn lẽ ra cũng phải được Niết-bàn, người chưa thấy Phật tánh lẽ ra cũng thấy Phật tánh, vậy sao nói, Bồ-tát Thập trụ thấy Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng? Bạch Thế Tôn! Nếu không nghe mà nghe, thì thuở xưa đến Như Lai từ ai mà được nghe, nếu nói được nghe, thì sao trong kinh A-hàm Như Lai lại nói là không có thấy? Nếu không nghe là không nghe mà Như Lai được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì tất cả chúng sinh không nghe là không nghe, lẽ ra cũng được thành tựu Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Như Lai không nghe kinh Đại Niết-bàn mà thấy Phật tánh, thì tất cả chúng sinh không nghe kinh này, lẽ ra cũng được thấy Phật tánh? Bạch Thế Tôn! Phạm là sắc thì hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, tiếng cũng như vậy, hoặc có thể nghe, hoặc không thể nghe. Đại Niết-bàn này chẳng phải sắc, chẳng phải tiếng, sao nói rằng có thể thấy, nghe được? Bạch Thế Tôn! Quá khứ đã diệt thì không thể nghe, vị lai chưa đến cũng không thể nghe, hiện tại khi nghe thì không gọi là nghe, nghe rồi mà tiếng mất đi thì lại không thể nghe. Kinh Đại Niết-bàn này cũng chẳng phải là quá khứ, vị lai và hiện tại, nếu chẳng phải ba đời thì không thể nói, nếu không thể nói thì không thể nghe, sao nói rằng Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn này thì nghe được những điều chưa nghe?

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Hôm nay, ông khéo biết tất cả các pháp như huyễn, như dợn nắng, như thành Càn-thát-bà, như dấu vẽ trong nước, cũng như bọt nước, cây chuối, rỗng không chẳng có thật, chẳng phải mạng, chẳng phải ngã, không có khổ vui, như chỗ thấy biết của Bồ-tát Thập trụ.

Lúc ấy, trong đại chúng bỗng nhiên có ánh sáng lớn chiếu đến, ánh sáng này chẳng phải xanh mà thấy là xanh, chẳng phải vàng mà thấy là vàng, chẳng phải đỏ mà thấy là đỏ, chẳng phải trắng mà thấy là trắng, chẳng phải sắc mà thấy là sắc, chẳng phải sáng mà thấy là sáng, chẳng phải thấy mà thấy. Khi ấy, đại chúng nhìn thấy ánh sáng này thì thân tâm an lạc, giống như Tỳ-kheo nhập định Sư tử vương.

Lúc này, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay ai phóng ra ánh sáng này?

Khi ấy, Đức Thế Tôn yên lặng không đáp.

Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Vì nhân duyên gì mà có ánh sáng này chiếu đến trong đại chúng?

Văn-thù-sư-lợi yên lặng không đáp.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Biên Thân lại hỏi Bồ-tát Ca-diếp:

–Hôm nay, ai phóng ra ánh sáng này?

Bồ-tát Ca-diếp yên lặng không đáp.

Bồ-tát Tịnh Trụ Vương Tử lại hỏi Bồ-tát Vô Biên Thân:

–Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Bồ-tát Vô Biên Thân yên lặng không đáp.

Như vậy, năm trăm vị Bồ-tát đều hỏi nhau như thế nhưng không ai giải đáp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ánh sáng này gọi là Trí tuệ. Trí tuệ tức là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không có nhân duyên, sao Như Lai hỏi nhân duyên gì có ánh sáng này? Ánh sáng này gọi là Đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn thì gọi là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, vậy sao Như Lai lại hỏi nhân duyên gì có ánh sáng này. Ánh sáng này tức là Như Lai, Như Lai tức là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, sao Như Lai lại hỏi về nhân duyên. Ánh sáng này gọi là đại từ đại bi. Đại từ đại bi gọi là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, sao Như Lai hỏi về nhân duyên? Ánh sáng này tức là niệm Phật, niệm Phật là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, sao Như Lai hỏi về nhân duyên? Ánh sáng này là đạo bất cộng của tất cả Thanh văn, Duyên giác. Đạo bất cộng của tất cả Thanh văn, Duyên giác là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, sao Như Lai hỏi về nhân duyên? Bạch Thế Tôn! Cũng có nhân duyên, nhân diệt trừ vô minh, mà ngọn đèn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được thắp sáng.

Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay, ông không nên nhập vào đệ nhất nghĩa đế sâu xa của các pháp mà nên dùng thế đế để giảng nói.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Về phương Đông của cõi này cách hai mươi

hằng hà sa các thế giới, có cõi Phật gọi là Bất Động, chỗ Phật ngự rộng một vạn hai ngàn do-tuần, cõi ấy bằng bảy báu, không có đất đá, bằng phẳng mềm mại, không có hầm hố, cây cối do bốn loại báu: vàng, bạc, lưu ly và pha lê làm thành, hoa quả tốt tươi lúc nào cũng có, chúng sinh nào ngửi thấy mùi thơm của hoa này, thì thân tâm được an vui, như vị Tỳ-kheo nhập vào Thiền thứ ba. Khắp nơi có ba ngàn sông lớn, nước sông đầy đủ tám vị vi diệu, nếu có chúng sinh tắm trong nước ấy thì được vui vẻ, như Tỳ-kheo nhập vào Thiền thứ hai. Trong sông có nhiều loại hoa đẹp, nào là hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, nào là hoa hương, hoa đại hương, hoa vi diệu hương, hoa thường, hoa nhất thiết các chúng sinh không chăm sóc. Hai bờ sông cũng có các loài hoa: hoa a-đề-mục-đa-già, hoa chiêm-bà, hoa ba-tra-la, hoa bà-sư-la, hoa ma-lợi-ca, hoa đại-ma-lợi-ca, hoa tan-ma-lợi-ca, hoa tu-ma-na-ca, hoa do-đề-ca, hoa đàn-miễn-già-lợi, hoa thường, hoa nhất thiết chúng sinh không chăm sóc; đáy sông trải bằng cát vàng, có bốn bậc thềm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê nhiều màu, có nhiều loại chim bơi lội trong ấy. Lại có vô lượng hổ, sói, sư tử v.v... các loài cầm thú hung dữ đều xem nhau như con. Trong cõi ấy không có người nào phạm giới trọng, hủy báng chánh pháp, Nhất-xiển-đề và tội ngũ nghịch. Khí hậu điều hòa không có lạnh nóng, không đói khát, khổ sở, không có tham dục, sân hận, buồn lung, ganh ghét, không có mặt trời, mặt trăng, ngày đêm, thời tiết, giống như cõi trời thứ hai là Đạo-lợi. Dân chúng cõi ấy đều có ánh sáng, không ai có tâm kiêu mạn, tất cả đều là Bồ-tát Đại sĩ đạt được thân thông, đầy đủ các công đức lớn, tâm họ đều tôn trọng chánh pháp, nương theo Đại thừa, yêu mến Đại thừa, ham thích Đại thừa, phụng sự Đại thừa, thành tựu trí tuệ lớn, đạt được pháp Tổng trì, tâm thường thương xót tất cả chúng sinh. Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, tùy theo chỗ ở mà thuyết pháp, chúng sinh trong cõi Bất Động đều được nghe, Đức Phật giảng nói kinh Đại Niết-bàn này cho Bồ-tát Lưu Ly Quang: “Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn này thì

đều nghe được những điều chưa nghe”. Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang thưa hỏi Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh, ở cõi kia cũng giống như Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thưa hỏi ở cõi này không khác. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh bảo Bồ-tát Lưu Ly Quang: “Này thiện nam! Về phương Tây cách đây hai mươi hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Ta-bà, cõi ấy có nhiều núi non, gò nổng, đất cát, gạch đá, gai góc, nhọn, độc, đầy dẫy khắp nơi, thường có sự đói khát, lạnh nóng, khổ não, dân chúng cõi này không biết cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, Sư trưởng, phần nhiều tham đắm phi pháp, muốn điều phi pháp, tu hành pháp tà, không tin chánh pháp, thọ mạng ngắn ngủi, làm điều gian trá, vua trừng trị họ. Tuy đã có nước để cai trị, nhưng vua không biết đủ, đối với các quốc gia khác, sinh tâm tham lợi, nên kéo binh đánh chiếm, làm cho những người vô tội lại chết oan, làm theo phi pháp như vậy, thiện thần Tứ Thiên vương, không hoan hỷ, cho nên thường giáng họa; hạn hán, mất mùa, dân chúng chịu nhiều bệnh tật, khổ não vô lượng. Trong cõi ấy có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn vì đại bi thuận hậu, thương xót chúng sinh, ở trong rừng Ta-la song thọ, thành Câu-thi-na, vì đại chúng mà diễn nói kinh Đại Niết-bàn. Ở cõi ấy có Bồ-tát tên là Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đã hỏi Đức Thích Ca việc này như ông không khác. Hôm nay Đức Phật đang giải đáp cho Bồ-tát ấy, ông nên mau đến đó sẽ được nghe”.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Lưu Ly Quang nghe việc này rồi, cùng với bốn vạn tám ngàn Đại Bồ-tát sắp đến đây, cho nên trước hiện điềm lành. Do nhân duyên này nên có ánh sáng. Đó gọi là nhân duyên cũng chẳng phải nhân duyên. Khi ấy, Bồ-tát Lưu Ly Quang cùng với bốn vạn tám ngàn Đại Bồ-tát mang các thứ phước lọng, hương hoa, chuỗi ngọc, nhiều loại nhạc cụ, nhiều hơn chúng trước bội phần, cùng đến rừng Ta-la song thọ tại thành Câu-thi-na, cúng dường Đức Phật, chấp tay cung kính, đi quanh bên phải ba vòng rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn hỏi Bồ-tát Lưu Ly Quang:

–Này thiện nam! Ông vì đến mà đến, hay vì không đến mà đến?

Bồ-tát Lưu Ly Quang thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đến cũng không đến, không đến cũng không đến. Con quán sát nghĩa này đều không có đến.

Bạch Thế Tôn! Các hành nếu thường cũng không đến, nếu là vô thường cũng không có đến, nếu người thấy có tánh chúng sinh thì có đến, không đến. Hôm nay con không thấy định tánh của chúng sinh thì sao nói có đến, không đến? Có kiêu mạn thì thấy có đi, có đến; không kiêu mạn thì không thấy có đi, có đến; có chấp trước tạo tác thì thấy có đi, có đến; không chấp trước tạo tác thì không thấy có đi, có đến. Nếu thấy Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn thì không có đi, có đến; không nghe Phật tánh thì có đi, có đến, nghe Phật tánh thì không đi, không đến. Nếu thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có Niết-bàn thì có đi, có đến; nếu không thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có Niết-bàn thì không đi, không đến. Nếu thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi là thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi, có đến; nếu không thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi là thường, lạc, ngã, tịnh thì không đi, không đến. Nếu thấy Như Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi, có đến; nếu thấy Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh thì không đi, không đến.

Bạch Thế Tôn! Xin để việc ấy lại. Con có điều muốn thưa, cúi mong Thế Tôn thương xót cho phép.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hôm nay là đúng lúc, tùy ý ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Vì sao? Vì chư Phật khó gặp giống như hoa Ưu-đàm. Pháp cũng như vậy, khó được nghe, kinh Phương Đẳng trong Mười hai bộ loại lại càng khó được nghe, vì vậy phải chuyên tâm lắng nghe và lãnh thọ.

Khi ấy, được Đức Phật cho phép và ban những lời dạy bảo, Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn

để nghe điều chưa được nghe như thế nào?

Khi ấy, Như Lai khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Hôm nay ông muốn hiểu biết tường tận về biển Đại thừa Đại Niết-bàn như thế, lại gặp đúng Ta. Ta có thể giảng nói cho ông, ông bị trúng mũi tên độc nghi ngờ, Ta làm thầy thuốc có thể khéo nhổ ra cho ông. Ông đối với Phật tánh chưa được sáng tỏ, Ta có đuốc tuệ soi sáng cho ông. Hôm nay, ông muốn qua khỏi biển lớn sinh tử thì Ta có thể làm người lái thuyền cho ông, ông đối với Ta xem là cha mẹ, Phật cũng đối với ông coi như con. Nay tâm ông ưa thích của báu chánh pháp, gặp Ta có nhiều pháp để bố thí. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta vì ông mà phân biệt, giải thích. Này thiện nam! Ông muốn nghe pháp thì hôm nay đã đúng lúc, nếu nghe pháp rồi hãy kính tin, chí tâm nghe nhận và cung kính tôn trọng, đối với chánh pháp không nên tìm tòi lầm lỗi, không khởi tham dục, sân hận, si mê, không nên nhìn dòng họ tốt xấu của Pháp sư. Khi đã nghe pháp rồi, không nên sinh tâm kiêu mạn, không vì sự cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì lợi ích dùng pháp vị cam lồ cứu giúp thế gian. Cũng không nên nghĩ: “Ta nghe pháp rồi, trước tự độ mình, sau sẽ giải thoát cho người, trước tự an thân, sau sẽ an cho người, trước tự Niết-bàn, sau sẽ làm cho người được Niết-bàn”. Phải bình đẳng đối với Phật, Pháp, Tăng, ở trong sinh tử phải biết là đại khổ, đối với Đại Niết-bàn nên cho là thường, lạc, ngã, tịnh; trước vì người, sau mới vì mình; nên vì Đại thừa, không vì Nhị thừa, không nên chấp thủ đối với tất cả các pháp tướng; đối với các pháp chớ có tưởng tham, phải thường sinh tướng biết pháp và thấy pháp. Này thiện nam! Ông có thể hết lòng nghe pháp như vậy, thì đó gọi là nghe những điều chưa được nghe.

Này thiện nam! Có những điều không nghe mà được nghe, có những điều không nghe mà không được nghe, có những điều nghe đã được nghe. Này thiện nam! Như không sinh mà sinh, không sinh cũng không sinh, sinh mà không sinh, sinh mà cũng sinh; như không đến mà đến, không đến cũng không đến, đến mà không đến, đến mà cũng đến.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là không sinh mà sinh?

–Này thiện nam! An trụ nơi thế đế, lúc mới xuất thai, đó gọi là không sinh mà sinh.

–Thế nào không sinh mà cũng không sinh?

–Này thiện nam! Đại Niết-bàn này không có tướng sinh, đó gọi là không sinh mà cũng không sinh.

–Thế nào sinh mà không sinh?

–Này thiện nam! Theo thế đế khi chết thì gọi là sinh mà không sinh.

–Thế nào là sinh sinh?

–Này thiện nam! Tất cả phàm phu gọi là sinh. Vì sao? Vì sinh tiếp sinh không dứt, vì tất cả các pháp hữu lậu sinh ra trong từng niệm từng niệm. Đó gọi là sinh sinh. Bạc Bồ-tát trụ ở Địa thứ tư gọi là sinh mà chẳng sinh. Vì sao? Vì sinh mà tự tại nên gọi là sinh mà chẳng sinh. Này thiện nam! Đó gọi là pháp bên trong.

–Thế nào là pháp bên ngoài chưa sinh mà sinh, chưa sinh chưa sinh, sinh chưa sinh, sinh sinh?

–Này thiện nam! Ví như hạt giống, khi chưa nảy mầm, nhờ bốn đại hòa hợp và công người chăm bón, rồi sau đó mới mọc lên, đó gọi là chưa sinh mà sinh.

–Thế nào gọi là chưa sinh chưa sinh?

–Như hạt giống bị hư và chưa hội đủ nhân duyên như vậy gọi là chưa sinh chưa sinh.

–Thế nào gọi là sinh chưa sinh?

–Như mầm đã mọc mà chưa lớn, gọi là sinh chưa sinh.

–Thế nào gọi là sinh sinh?

–Như mầm đã lớn, nếu sinh mà không sinh thì không lớn được. Như vậy tất cả các pháp hữu lậu gọi là pháp bên ngoài sinh mà sinh.

Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp hữu lậu nếu có sinh thì gọi là thường hay vô thường? Nếu sinh là thường thì pháp hữu lậu không có sinh, nếu sinh là vô thường thì pháp hữu lậu là thường. Bạch Thế Tôn!

Nếu sinh mà có thể tự sinh thì sinh không có tự tánh, nếu có thể sinh cái khác thì vì sao mà chẳng sinh ra vô lậu? Bạch Thế Tôn! Nếu lúc chưa sinh mà có sinh, sao lại đến nay mới gọi là sinh? Nếu khi chưa sinh mà không sinh, sao chẳng nói hư không là sinh?

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Không sinh mà sinh thì không thể nói, sinh mà sinh cũng không thể nói, sinh mà không sinh cũng không thể nói, không sinh mà cũng không sinh thì cũng không thể nói, sinh cũng không thể nói, không sinh cũng không thể nói. Vì có nhân duyên mới có thể nói. Vì sao không sinh mà sinh thì không thể nói? Không sinh mà gọi là sinh thì làm sao có thể nói được. Vì sao? Vì nó có sinh. Vì sao sinh mà sinh cũng không thể nói? Vì sinh mà sinh nên gọi là sinh, vì sinh mà sinh nên chẳng phải sinh cũng không thể nói. Vì sao sinh mà không sinh là không thể nói? Vì sinh tức là sinh, còn sinh mà không tự sinh nên chẳng thể nói. Vì sao không sinh cũng không sinh là không thể nói? Không sinh gọi là Niết-bàn, vì Niết-bàn không sinh nên không thể nói. Vì sao? Vì do tu đạo cho nên được chứng đắc. Vì sao sinh cũng không thể nói? Vì sinh vốn là không. Vì sao không sinh là không thể nói? Vì có chứng đắc. Vì sao có nhân duyên lại có thể nói? Vì Mười pháp nhân duyên làm nhân, do ý nghĩa này nên có thể nói. Nay thiện nam! Nay ông chớ nhập vào định “không” sâu xa. Vì sao? Vì các chúng sinh căn tánh đều chậm lụt.

Nay thiện nam! Pháp hữu vi, sinh cũng là thường, do trụ vô thường nên sinh cũng vô thường. Trụ là thường, do sinh mà sinh nên trụ cũng vô thường. Dị cũng là thường, do pháp vô thường nên dị cũng vô thường. Hoại cũng là thường, do vốn là không mà nay lại có nên hoại cũng vô thường. Nay thiện nam! Do bản tánh nên sinh, trụ, dị, hoại thấy đều vô thường, do niệm niệm diệt nên không thể nói là thường, Đại Niết-bàn này có thể đoạn diệt nên gọi là vô thường. Nay thiện nam! Pháp hữu vi lúc chưa sinh thì đã có tánh sinh, nên sinh có thể sinh. Pháp vô lậu thì tánh vốn không sinh, nên sinh không thể sinh. Như lửa vốn có sẵn tánh cháy, nên khi gặp duyên thì liền phát ra. Mắt có tánh là thấy, do nương vào sắc, nương vào ánh sáng

và nương vào tâm nên nhìn thấy. Pháp sinh của chúng sinh cũng như vậy, do vốn có tánh nên khi gặp duyên nghiệp, cha mẹ hòa hợp liền có sinh.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang cùng với tám vạn bốn ngàn Đại Bồ-tát nghe pháp này rồi, liền bay lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, cung kính chấp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ Như Lai ân cần dạy bảo và nhờ kinh Đại Niết-bàn này nên con mới được hiểu rõ, nghe điều chưa từng nghe, cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn Bồ-tát hiểu rõ sâu xa các pháp không sinh mà sinh. Bạch Thế Tôn! Nay con đã tỏ ngộ, dứt trừ các nghi lầm, nhưng trong hội này có Bồ-tát tên là Vô Úy lại muốn thưa hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Úy:

–Này thiện nam! Hãy tùy ý thưa hỏi, Ta sẽ giảng nói rõ ràng cho ông.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Úy cùng với tám vạn bốn ngàn các Bồ-tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối chấp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh ở cõi này thực hành những nghiệp gì để được sinh vào cõi Bất động? Bồ-tát nơi cõi ấy làm thế nào để thành tựu được trí tuệ, làm bậc tôn quý trong loài người, có oai đức lớn, tu hành đầy đủ các hạnh, trí tuệ nhanh nhẹn, nghe liền hiểu rõ?

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Không giết hại chúng sinh
Giữ vững các giới cấm
Hành pháp Phật vi diệu
Thì sinh cõi Bất động.
Không cướp của người khác
Thường bố thí tất cả
Tạo Tăng xá bốn phương
Thì sinh cõi Bất động.
Không phạm vợ người khác
Vợ mình không phi thời
Trì giới, thí ngoạ cụ*

*Thì sinh côi Bất động.
Không vì mình hoặc người
Cầu lợi và khứng bố
Giữ lời không nói dối
Thì sinh côi Bất động.
Không hại thiện tri thức
Xa lìa quyến thuộc ác
Miệng thường nói hòa hợp
Thì sinh côi Bất động.
Như các bậc Bồ-tát
Thường lìa lời nói ác
Nói lời người thích nghe
Thì sinh côi Bất động.
Cho đến khi cười giỡn
Không nói lời chằng hợp
Thường giữ gìn lời nói
Thì sinh côi Bất động.
Thấy người được lợi dưỡng
Thường khởi tâm vui mừng
Không sinh lòng ganh ghét
Thì sinh côi Bất động.
Không làm hại chúng sinh
Thường sinh tâm từ bi
Không nghĩ cách làm ác
Thì sinh côi Bất động.
Tà kiến nói không thí
Cha mẹ và đến đi
Không tà kiến như vậy
Thì sinh côi Bất động.
Đường rộng làm giếng tốt
Trồng trồng cây ăn trái
Thương cho người khát thực
Thì sinh côi Bất động.*

Đối với Phật, Pháp, Tăng,
Cúng dường một hương đèn
Cho đến dâng một hoa
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu vì tâm lo sợ
Lợi dưỡng và phước đức
Chép một kệ kinh này
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu vì cầu lợi, phước
Có thể trong một ngày
Đọc tụng kinh điển này
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu vì đạo vô thượng
Trong một ngày một đêm
Thọ trì Bát quan trai
Thì sinh cõi Bất động.
Không cùng người phạm tội
Và hủy báng Đại thừa
Cùng ở chung một chỗ
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu đem cho người bệnh
Cho đến một trái cây
Và hoan hỷ chăm sóc
Thì sinh cõi Bất động.
Không phạm vật của Tăng
Khéo giữ vật của Phật
Dọn quét chỗ Phật, Tăng
Thì sinh cõi Bất động.
Tạo tượng và tháp Phật
Dù như ngón tay cái
Thường sinh tâm vui mừng
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu vì kinh điển này

*Thân hình và của cải
Cúng dường người thuyết pháp
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu nghe và biên chép
Thọ trì và đọc tụng
Tặng bí mật của Phật
Thì sinh cõi Bất động.*

Khi ấy, Đại Bồ-tát Vô Úy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con đã biết tạo nghiệp duyên gì được sinh về cõi Bất động. Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương vì thương xót tất cả các chúng sinh nên trước đã thưa hỏi, nếu Như Lai thuyết giảng thì có thể tạo lợi ích an vui cho hàng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v...

Lúc ấy, Thế Tôn liền bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Hôm nay, ông phải hết lòng lắng nghe, Ta vì ông phân biệt giảng nói. Có nhân duyên nên chưa đến không đến, có nhân duyên nên không đến mà đến, có nhân duyên nên đến mà không đến, có nhân duyên nên đến mà đến.

Vì nhân duyên gì chưa đến không đến? Nay thiện nam! Nói không đến là, Đại Niết-bàn thì phàm phu chưa đến vì còn tham dục, sân giận, ngu si, nghiệp thân và miệng không thanh tịnh, thọ nhận tất cả các vật bất tịnh, phạm bốn trọng tội, hủy báng Đại thừa, làm hạng Nhất-xiển-đề, tạo tội ngũ nghịch. Do nghĩa này nên chưa đến không đến. Nay thiện nam! Vì nhân duyên gì không đến mà đến? Không đến gọi là Đại Niết-bàn. Do nghĩa gì mà đến? Vì dứt hẳn tham dục, sân giận, ngu si và tội ác của thân, miệng, không thọ nhận tất cả các vật bất tịnh, không phạm bốn trọng tội, không hủy báng kinh điển Đại thừa, không làm hạng Nhất-xiển-đề, không tạo tội ngũ nghịch. Do nghĩa này nên gọi là không đến mà đến. Bạc Tu-đà-hoàn tám vạn kiếp đến, bậc A-na-hàm bốn vạn kiếp đến, Phật-bích-chi mười ngàn kiếp đến. Do nghĩa này nên gọi là không đến mà đến. Nay

thiện nam! Vì nhân duyên gì gọi là đến mà không đến? Đến gọi là hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sinh đều bị vô lượng phiền não kiết sử che lấp, qua lại không lìa, giống như bánh xe lăn. Đó gọi là đến. Hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát vì đã được dứt hẳn, nên gọi là không đến. Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên thị hiện ở trong đó, cũng gọi là đến. Nay thiện nam! Vì nhân duyên gì gọi đến mà đến? Đến gọi là hai mươi lăm cõi. Tất cả phàm phu, Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm, vì nhân duyên phiền não nên gọi đến mà đến. Nay thiện nam! Nghe điều không nghe, cũng như vậy, có điều không nghe mà nghe, có điều không nghe mà không nghe, có điều nghe mà không nghe, có điều nghe mà nghe. Thế nào là không nghe mà nghe? Nay thiện nam! Không nghe gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao không nghe? Vì chẳng phải hữu vi, chẳng phải âm thanh, không thể nói được. Thế nào là cũng nghe? Vì được nghe tên. Đó là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên gọi không nghe mà nghe.

Lúc này, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Như Lai đã nói Đại Niết-bàn không thể nghe được, thế tại sao lại nói là thường, lạc, ngã, tịnh mà có thể nghe được? Bạch Thế Tôn! Vì sao người đoạn hết phiền não gọi là đắc Niết-bàn, nếu người chưa đoạn gọi là không được. Do nghĩa này nên tánh Niết-bàn trước không nay có, nếu pháp thế gian trước không nay có thì gọi là vô thường. Ví như bình v.v... trước không nay có, đã có lại không nên gọi là vô thường. Niết-bàn cũng vậy, sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh?

Bạch Thế Tôn! Phàm do trang nghiêm mà thành, đều gọi là vô thường. Niết-bàn nếu như vậy, thì lẽ ra là vô thường. Những gì làm nhân duyên? Là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng, quán tưởng xương, quán hơi thở ra vào, sáu niệm xứ, sáu đại. Do những pháp như vậy đều là nhân duyên để thành tựu Niết-bàn, nên gọi là vô thường.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Phàm là có thì gọi là vô thường, nếu Niết-bàn là có thì lẽ ra là vô thường. Như ngày trước Phật nói trong

kinh A-hàm: Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn đều có Niết-bàn. Do nghĩa này nên gọi là vô thường.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Pháp có thể thấy thì gọi là vô thường. Như trước Phật đã nói: Thấy Niết-bàn thì dứt trừ tất cả các phiền não. Bạch Thế Tôn! Ví như hư không đối với tất cả chúng sinh không có chướng ngại nên gọi là thường. Giả sử Niết-bàn là thường v.v... vì sao chúng sinh lại có người được, người không được? Như vậy Niết-bàn đối với chúng sinh đều bình đẳng lẽ ra không gọi là thường.

Bạch Thế Tôn! Ví như trăm người có chung một kẻ thù, nếu hại kẻ thù này thì người khác được vui. Giả sử Niết-bàn là pháp bình đẳng, khi một người được, lẽ ra nhiều người cũng được; một người dứt trừ buộ, lẽ ra nhiều người cũng dứt, nếu không như vậy sao gọi là thường? Ví như có người cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi quốc vương, vương tử, cha mẹ, sư trưởng, thì được lợi dưỡng. Đó không gọi là thường. Niết-bàn cũng vậy, không gọi là thường. Vì sao? Vì ngày trước trong kinh A-hàm Đức Phật nói với A-nan: “Nếu có người hay cung kính Niết-bàn, thì dứt trừ được các trói buộc, hưởng thọ vô lượng an lạc. Do nghĩa này nên không gọi là thường.

Bạch Thế Tôn! Nếu trong Niết-bàn có tên là thường, lạc, ngã, tịnh thì không gọi là thường; như không có làm sao có thể nói?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Thể của Niết-bàn chẳng phải trước không nay có. Nếu thể của Niết-bàn trước không nay có thì chẳng phải là vô lậu, là pháp thường trụ, có Phật hay là không có Phật, tánh tướng thường trụ, vì chúng sinh bị phiền não che lấp nên không thấy Niết-bàn, gọi là không. Đại Bồ-tát dùng Giới, định, tuệ riêng tu tâm mình, dứt hết phiền não, liền được thấy Niết-bàn, nên biết Niết-bàn là pháp thường trụ, chẳng phải trước không nay có, nên gọi là thường.

Này thiện nam! Như giếng trong nhà tối có các thứ châu báu, người cũng biết có nhưng vì tối nên không thấy. Người có trí khéo biết phương tiện, thấp đèn sáng lớn cầm soi chỗ đó thì đều thấy được

rõ ràng. Người trí này không bao giờ nghĩ: Nước và bảy loại châu báu trước không nay có. Niết-bàn cũng vậy, trước vốn tự có, chẳng phải nay mới có, vì phiền não tối tăm nên chúng sinh không thấy. Như Lai đại trí, khéo dùng phương tiện thấp đèn trí tuệ, làm cho Bồ-tát thấy được Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Do đó người trí không nên nói Niết-bàn này trước không nay có.

Này thiện nam! Như ông nói do trang nghiêm nên được thành tựu Niết-bàn. Vì sao? Này thiện nam! Vì thể của Niết-bàn chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải tạo nghiệp mà có, chẳng phải là pháp hữu lậu, hữu vi, chẳng phải nghe, chẳng phải thấy, chẳng phải đọa, chẳng phải chết, chẳng phải tướng khác nhau, cũng chẳng phải tướng giống nhau, chẳng phải đi, chẳng phải lại, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải một, chẳng phải nhiều, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông, chẳng phải nhọn, chẳng phải nghiêng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải ngã, ngã sở. Do những nghĩa này, nên Niết-bàn thường hằng không có biến đổi, vì vậy phải tu tập pháp thiện trong vô lượng vô số kiếp để tự trang nghiêm, rồi sau mới thấy. Này thiện nam! Ví như dưới đất có tám vị nước, tất cả các chúng sinh không thể có được. Người có trí ra công đào đất thì liền được. Niết-bàn cũng vậy. Ví như người mù không thấy mặt trời, mặt trăng, vị thầy thuốc điều trị liền được thấy, mặt trời, mặt trăng chẳng phải là trước không nay có. Niết-bàn cũng vậy, trước đã tự có, chẳng phải nay mới có. Này thiện nam! Như người có tội bị nhốt trong nhà tù, lâu mới được thả ra, trở về nhà được thấy cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, Niết-bàn cũng vậy. Này thiện nam! Ông nói do nhân duyên nên pháp Niết-bàn lẽ ra vô thường, điều này cũng không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Nhân có năm loại. Những gì là năm? Một là sinh nhân, hai là hòa hợp nhân, ba là trụ nhân, bốn là tăng trưởng nhân, năm là viễn nhân. Thế nào là sinh nhân? Sinh nhân tức là các nghiệp phiền não và cũng như hạt giống của cây cỏ. Đó gọi là sinh nhân. Thế nào gọi là hòa hợp nhân? Như pháp thiện hòa hợp với tâm thiện, pháp bất thiện hòa hợp với

tâm bất thiện, pháp vô ký hòa hợp với tâm vô ký. Đó gọi là hòa hợp nhân. Thế nào gọi là trụ nhân? Như có cột ở dưới nóc nhà thì không sập, núi sông, cây cối đều nhờ mặt đất mà được đứng vững, bên trong nhờ có bốn đại và vô lượng phiến nã mà chúng sinh được trụ. Thế nào là tăng trưởng nhân? Nhờ nhân duyên ăn uống, y phục v.v... làm cho chúng sinh tăng trưởng. Như không bị lửa đốt, không bị chim ăn thì hạt giống được tăng trưởng; như hàng Sa-môn, Bà-la-môn nhờ thầy lành, bạn tốt mà được tăng trưởng; như nhờ cha mẹ mà con được tăng trưởng. Đó gọi là tăng trưởng nhân. Thế nào gọi là viển nhân? Ví như nhờ nơi thần chú mà quỷ không hại, độc không trúng, như nhờ vua mà không có trộm cướp, như mầm nương vào đất, nước, gió, lửa v.v... như nước, công người khuấy là viển nhân của chất tô; như ánh sáng, màu sắc v.v... là viển nhân của nhãn thức, tinh huyết cha mẹ là viển nhân của chúng sinh, như thời tiết v.v... đều gọi là viển nhân. Nay thiện nam! Thế của Niết-bàn chẳng phải là do năm nhân duyên như vậy làm thành, sao ông nói là nhân vô thường.

Nay thiện nam! Lại có hai loại nhân: Một là tác nhân, hai là liễu nhân. Như bánh xe và dây của thợ gốm, đó gọi là tác nhân; như đèn đuốc v.v... chiếu soi các sự vật trong bóng tối, đó gọi là liễu nhân. Nay thiện nam! Đại Niết-bàn không từ tác nhân mà có, chỉ có liễu nhân; Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Sáu pháp Ba-la-mật, đó gọi là liễu nhân. Nay thiện nam! Bồ thí là nhân của Niết-bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết-bàn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhân của Niết-bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết-bàn. Vô lượng vô số pháp trợ Bồ-đề, mới được gọi là nhân của Đại Niết-bàn.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao bồ thí không được gọi là Bồ thí Ba-la-mật? Vậy bồ thí thế nào mới được gọi là Bồ thí Ba-la-mật? Cho đến Bát-nhã, tại sao không được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Vậy như thế nào mới được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Thế nào gọi là Niết-bàn? Thế nào gọi là Đại Niết-bàn?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành Đại Bát Niết Bàn Đại thừa không nghe bố thí, không thấy bố thí, không nghe Bố thí Ba-la-mật, không thấy Bố thí Ba-la-mật Cho đến không nghe Bát nhã, không thấy Bát nhã, không nghe Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không nghe Niết-bàn, không thấy Niết-bàn, không nghe Đại Niết-bàn, không thấy Đại Niết-bàn. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng rỗng không, không sở hữu, không có tướng hòa hợp hiểu biết, được tướng vô lậu, tướng không tạo tác, tướng như huyễn hóa, tướng bóng nước, tướng thành Càn-thát-bà, tướng hư không. Bồ-tát thấy được những tướng như vậy, thì không tham, sân, si, không nghe, không thấy. Đó gọi là Đại Bồ-tát thật sự an trụ vào tướng chân thật. Đại Bồ-tát tự biết đây là bố thí, đây là Bố thí Ba-la-mật. Cho đến đây là Bát nhã, đây là Bát-nhã Ba-la-mật, đây là Niết-bàn, đây là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Thế nào là bố thí mà chẳng phải là Ba-la-mật? Thấy có người xin, rồi sau đó mới cho thì đó gọi là bố thí, chẳng phải là Bố thí Ba-la-mật; nếu không có người xin mà tự phát tâm bố thí thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật; nếu bố thí có thời gian thì đó gọi là bố thí chẳng phải là Ba-la-mật; nếu thường thực hành bố thí thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật; nếu bố thí cho người khác rồi, trở lại sinh tâm hối hận thì đó gọi là bố thí chẳng phải là Ba-la-mật; Bố thí rồi không hối hận, thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật. Đại Bồ-tát có bốn điều lo sợ về của cải là vua, giặc, nước, lửa, nên vui vẻ đem bố thí thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật, nếu vì sự mong được báo đáp mà bố thí thì đó gọi là bố thí, chẳng phải là Ba-la-mật, bố thí không mong báo đáp thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật.

Nếu vì sợ hãi, vì tiếng tăm, lợi dưỡng, vì gia pháp tương truyền, vì năm dục cõi trời, vì kiêu mạn, vì hơn người, vì quen biết, vì cầu báo đáp, thì giống như buôn bán đổi chác. Này thiện nam! Như người trồng cây để được bóng mát, để được hoa quả và để được cây gỗ. Nếu người tu hành mà bố thí như vậy thì đó gọi là bố thí chẳng phải Ba-la-mật. Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn như thế này, không thấy người bố thí, người thọ nhận và của cải bố thí, không thấy thời tiết, không thấy ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, không thấy

nhân, không thấy duyên, không thấy quả báo, không thấy người tạo tác, không thấy người thọ nhận, không thấy nhiều, không thấy ít, không thấy tịnh, không thấy bất tịnh, không khinh người thọ nhận tài vật của mình, không thấy người thấy, không thấy người không thấy, không chấp mình và người, chỉ vì pháp thường trụ Đại Niết-bàn Phương đẳng mà tu hạnh bố thí, vì lợi ích cho tất cả các chúng sinh mà thực hành bố thí, vì dứt trừ tất cả các phiền não cho chúng sinh mà thực hành Bố thí. Nay thiện nam! Ví như có người té xuống biển lớn, ôm lấy xác chết mà được thoát nạn, Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn lúc thực hành Bố thí cũng như ôm xác chết kia vậy. Nay thiện nam! Ví như có người bị nhốt trong ngục kín, cửa nẻo đều đóng chặt, chỉ có lỗ cầu xí, liền từ trong đó chui ra được an ổn. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, lúc thực hành bố thí cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như người sang quý gặp phải nạn gấp lo sợ không có chỗ dựa nương, liền nhờ Chiên-đà-la. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, lúc thực hành bố thí cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như người bị bệnh, vì muốn lành bệnh nên uống chất thuốc dơ. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, lúc thực hành bố thí cũng như vậy. Nay thiện nam! Như Bà-la-môn lúc mất mùa đói khát, vì mạng sống nên phải ăn thịt chó. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, lúc thực hành bố thí cũng như vậy. Nay thiện nam! Trong Đại Niết-bàn những việc như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay cũng không nghe mà nghe. Giới và Giới Ba-la-mật v.v... cho đến Bát-nhã, Bát-nhã Ba-la-mật, như kinh Tạp Hoa, Đức Phật có giảng nói rộng.

